

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN

Số: 5169 /QĐ - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 38/TTr-TCKH ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính và kinh phí tự chủ đối với 93 trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2024, cụ thể như sau:

1. Giao quyền tự chủ tài chính đối với 93 trường học thuộc Quận, các trường được phân loại tự chủ tài chính như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2): 12 đơn vị.

+ Trường chất lượng cao: 03 đơn vị

+ Đơn vị thực hiện thí điểm đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước: 09 đơn vị

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3): 55 đơn vị, cụ thể:

- + Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: 01 đơn vị
- Trường THCS Chu Văn An (Đơn vị tự bảo đảm 85,3% chi thường xuyên).
- + Đơn vị tự bảo đảm từ 30 đến dưới 70% chi thường xuyên: 01 đơn vị - Trường THCS Lê Quý Đôn.
- + Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: 53 đơn vị
- Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 4): 26 đơn vị.

(Chi tiết theo biểu 01.1, 01.2, 02, 03 đính kèm)

2. Giao kinh phí tự chủ đối với 93 trường học thuộc Quận, số tiền: 624.623.600.000 đồng, gồm:

- Ngân sách Quận đảm bảo, số tiền: 455.272.300.000 đồng
- Học phí (60%), nguồn Cải cách tiền lương và các khoản thu sự nghiệp được để lại theo quy định: 169.351.300.000 đồng

(Chi tiết theo biểu 01.1, 01.2, 02, 03 đính kèm)

* Nguồn kinh phí: Nguồn Ngân sách Nhà nước giao năm 2024 và nguồn thu sự nghiệp được để lại theo quy định.

Điều 2. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp trên và kinh phí được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND&UBND Quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Long Biên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận. /

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (100b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

**BIỂU 01.2: BIỂU TỔNG HỢP GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC QUẬN NĂM 2024**

**Đơn vị: Thực hiện thí điểm đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí
Ngân sách Nhà nước - Tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2)**

*(Kèm theo Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của
UBND quận Long Biên)*

ĐVT: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Nguồn tài chính của đơn vị				Chi thường xuyên giao tự chủ	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên
		Tổng cộng	Nguồn Ngân sách Nhà nước đảm bảo	60% Nguồn thu học phí năm 2024	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	95.447.000	75.007.000	11.824.000	8.616.000	95.447.000	
I	Khối Mầm non	13.661.000	10.420.000	1.774.000	1.467.000	13.661.000	
1	Mầm non Chim Én	8.069.000	6.164.000	1.110.000	795.000	8.069.000	100%
2	Mầm non Long Biên	5.592.000	4.256.000	664.000	672.000	5.592.000	100%
II	Khối Tiểu học	26.090.000	24.967.000	-	1.123.000	26.090.000	
1	Tiểu học Ái Mộ B	8.873.000	8.422.000	-	451.000	8.873.000	100%
2	Tiểu học Đoàn Khuê	7.163.000	6.923.000	-	240.000	7.163.000	100%
3	Tiểu học Ngọc Lâm	10.054.000	9.622.000	-	432.000	10.054.000	100%
III	Khối THCS	55.696.000	39.620.000	10.050.000	6.026.000	55.696.000	
1	THCS Ái Mộ	14.769.000	10.693.000	2.665.000	1.411.000	14.769.000	100%
2	THCS Gia Thụy	16.520.000	11.838.000	2.981.000	1.701.000	16.520.000	100%
3	THCS Ngọc Lâm	11.821.000	8.358.000	2.179.000	1.284.000	11.821.000	100%
4	THCS Sài Đồng	12.586.000	8.731.000	2.225.000	1.630.000	12.586.000	100%